

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công;

Ông Đặng Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03/3/2020 “V/v Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 444/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Đoàn Thị Thu T - Sinh năm: 1965 (có mặt); địa chỉ: ấp HT, xã T D, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Lê Văn D - Sinh năm: 1963 (vắng mặt); địa chỉ: ấp HT, xã TD, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 tại phiên tòa nguyên đơn Đoàn Thị Thu T trình bày:

Đoàn Thị Thu T và Lê Văn D sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh D thường xuyên uống rượu rồi về chửi Đoàn Thị Thu T và dùng lời lẽ xúc phạm Đoàn Thị Thu T nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đã có lần Đoàn Thị Thu T có báo chính quyền địa phương có lập biên bản,

vợ chồng ly thân nhau khoảng 03 năm nay, tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai. Nay Đoàn Thị Thu T không còn tình cảm với anh D nữa, chị T yêu cầu được ly hôn với Lê Văn D; về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thành V, sinh ngày 21/10/1991; Lê Thị Diễm S, sinh ngày 25/8/1994 và Lê Thị Cẩm N, sinh ngày 24/5/1998. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản và nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lê Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Đoàn Thị Thu T và Lê Văn D sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1986 đây là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu rồi về chửi Đoàn Thị Thu T và dùng lời lẽ xúc phạm Đoàn Thị Thu T không quan tâm vợ con, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đã có lần Đoàn Thị Thu T có báo chính quyền địa phương có lập biên bản, vợ chồng ly thân khoảng 03 năm nay, tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm ai, tình trạng hôn nhân của Đoàn Thị Thu T và Lê Văn D như trên được chứng minh bằng hành động cụ thể là Lê Văn D không chấp hành các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án để được hòa giải đoàn tụ, bỏ mặt không ý kiến gì, đồng thời cô ý không chấp hành pháp luật. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên nhưng Đoàn Thị Thu T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Lê Văn D, mâu thuẫn của Đoàn Thị Thu T và Lê Văn D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Đoàn Thị Thu T yêu cầu ly hôn là thỏa mãn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Đoàn Thị Thu T là có căn cứ.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, nên không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Đoàn Thị Thu T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với Lê Văn D để tham gia phiên họp kiểm tra

việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử nên xét xử vắng mặt đối với Lê Văn D theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Đoàn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Đoàn Thị Thu T được ly hôn với Lê Văn D.
2. Về án phí và tạm ứng án phí: Đoàn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Đoàn Thị Thu T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000093, ngày 02/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Đoàn Thị Thu T đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/7/2020). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Út